

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 44

TRÁ
ER
17

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập từ việc chuyển đổi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2199/1999/QĐ-UB ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600206147 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 8 năm 2000. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 21 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định cấp ngày 8 tháng 5 năm 2023.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (bao gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, các loại thuốc dược phẩm khác, sản xuất vacxin, sinh phẩm y tế, chế phẩm sinh học); bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế (bao gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, hóa chất, dược liệu, tinh dầu, vacxin, sinh phẩm, mỹ phẩm, máy móc, trang thiết bị và dụng cụ y tế).

Công ty có trụ sở chính tại số 415 đường Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định và 6 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh và thành phố tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Linh	Chủ tịch	
Bà Đinh Thị Khánh Ly	Thành viên	
Ông Nguyễn Đắc Trường	Thành viên	
Ông Hà Thanh Thủy	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2024
Bà Phạm Thị Hạnh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2024

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Thanh Thủy	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2025
-------------------	---------------	-------------------------------------

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2024
Bà Vũ Thị Minh Thu	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2024
Ông Phạm Minh Sơn	Thành viên	
Bà Mai Thị Thanh Hà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2024
Bà Đoàn Thị Thanh Huyền	Thành viên	miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2024

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hà Linh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Hà Linh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12916698/68476044-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà ("Công ty") và công ty con được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phùng Mạnh Phú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2023-004-1

Đào Văn Thích
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		642.110.338.259	566.561.506.229
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	84.406.238.460	79.890.720.573
111	1. Tiền		36.406.238.460	34.890.720.573
112	2. Các khoản tương đương tiền		48.000.000.000	45.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		89.500.000.000	19.649.583.287
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	89.500.000.000	19.649.583.287
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		218.262.821.439	267.669.879.908
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	185.276.710.291	221.586.001.614
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	31.444.233.078	23.574.601.671
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	16.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.670.026.291	8.815.012.021
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(3.128.148.221)	(2.305.735.398)
140	IV. Hàng tồn kho	8	241.534.183.158	193.201.204.307
141	1. Hàng tồn kho		246.416.591.294	216.329.551.711
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.882.408.136)	(23.128.347.404)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.407.095.202	6.150.118.154
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.102.544.529	1.936.511.519
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	4.408.191.605	2.292.698.686
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	2.896.359.068	1.920.907.949

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		317.407.619.503	346.959.422.972
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		40.852.480	21.547.480
216	1. Phải thu dài hạn khác		40.852.480	21.547.480
220	II. Tài sản cố định		282.769.338.630	312.116.653.234
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	235.836.031.733	261.304.110.261
222	Nguyên giá		601.517.852.529	599.584.824.721
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(365.681.820.796)	(338.280.714.460)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		135.000.000	-
225	Nguyên giá		135.000.000	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	46.798.306.897	50.812.542.973
228	Nguyên giá		57.024.308.260	57.024.308.260
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.226.001.363)	(6.211.765.287)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		23.329.876.846	21.114.229.084
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	23.329.876.846	21.114.229.084
260	IV. Tài sản dài hạn khác		11.267.551.547	13.706.993.174
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	11.267.551.547	13.706.993.174
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		959.517.957.762	913.520.929.201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		560.761.788.014	542.274.856.766
310	I. Nợ ngắn hạn		497.376.317.998	452.347.271.451
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	147.707.383.362	116.565.717.785
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	5.778.375.304	9.620.255.963
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.851.085.761	6.369.523.688
314	4. Phải trả người lao động		22.567.676.048	31.303.711.638
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.126.966.280	12.592.134.717
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	10.686.161.299	12.520.480.267
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	34.278.047.583	11.548.373.771
320	8. Vay ngắn hạn	18	252.737.912.259	234.782.640.104
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.478.000.000	2.400.000.000
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	14.164.710.102	14.644.433.518
330	II. Nợ dài hạn		63.385.470.016	89.927.585.315
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.381.707.743	1.157.207.743
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	49.983.330.028	68.507.842.893
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19	12.020.432.245	20.262.534.679
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		398.756.169.748	371.246.072.435
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	398.756.169.748	371.246.072.435
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		52.000.000.000	52.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		52.000.000.000	52.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		153.105.345.047	153.105.345.047
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		188.450.824.701	159.447.883.701
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		154.247.883.701	119.493.195.831
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		34.202.941.000	39.954.687.870
429	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	1.492.843.687
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		959.517.957.762	913.520.929.201

Nguyễn Thị Tâm
Người lập

Phan Thị Thủy
Kế toán trưởng

Hà Linh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

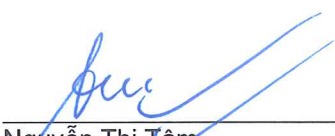
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.044.161.090.811	1.004.403.312.075
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(10.807.641.893)	(13.402.142.681)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.033.353.448.918	991.001.169.394
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(638.898.704.313)	(630.661.188.856)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		394.454.744.605	360.339.980.538
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	3.234.000.503	5.721.093.228
22	7. Chi phí tài chính	23	(23.540.876.205)	(31.880.237.048)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(20.006.540.870)	(30.081.677.483)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(228.915.799.670)	(159.960.285.023)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(120.121.887.444)	(126.684.354.248)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.110.181.789	47.536.197.447
31	11. Thu nhập khác	25	18.428.443.763	3.881.531.271
32	12. Chi phí khác		(441.860.953)	(1.065.395.685)
40	13. Lợi nhuận khác		17.986.582.810	2.816.135.586
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.096.764.599	50.352.333.033
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(8.914.695.891)	(10.404.801.476)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		34.182.068.708	39.947.531.557

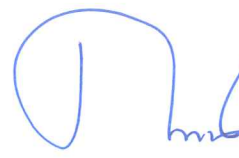
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	1. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		34.202.941.000	39.954.687.870
62	2. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(20.872.292)	(7.156.313)
70	3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	6.577	7.684
71	4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	6.577	7.684

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Thị Tâm
Người lập


Phan Thị Thủy
Kế toán trưởng


Hà Linh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		43.096.764.599	50.352.333.033
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và phân bổ tiền thuê đất trả trước	26	33.948.849.835 (15.945.526.445)	31.048.669.862 14.741.064.902
03	(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng			
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.072.030.366 (3.648.857.361)	1.393.016.505 (5.478.481.746)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Chi phí lãi vay	23	20.006.540.870	30.081.677.483
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		80.529.801.864	122.138.280.039
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		23.153.237.353	(50.617.296.244)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(30.087.039.583)	113.006.326.448
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		19.462.626.351	(76.796.982.417)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		3.152.539.493	(3.496.972.362)
14	Tiền lãi vay đã trả		(20.090.392.272)	(30.003.684.740)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.241.082.389)	(6.804.894.406)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(414.980.000)	(252.582.915)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		64.464.710.817	67.172.193.403
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(9.204.897.794)	(41.492.303.487)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		808.636.363	747.272.727
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(89.500.000.000)	(19.649.583.287)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		35.744.988.060	12.500.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.252.789.638	4.256.166.407
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(57.898.483.733)	(43.638.447.640)

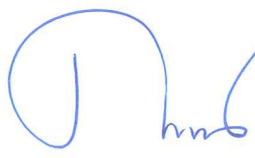
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu		(1.471.971.395)	-
33	Tiền thu từ đi vay		718.865.623.996	699.414.559.455
34	Tiền trả nợ gốc vay		(719.546.914.706)	(759.987.529.950)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(22.950.000)	-
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(24.442.000)	(5.200.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(2.200.654.105)	(65.772.970.495)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		4.365.572.979	(42.239.224.732)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		79.890.720.573	121.878.891.219
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		149.944.908	251.054.086
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	84.406.238.460	79.890.720.573

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Thị Tâm
Người lập


Phan Thị Thủy
Kế toán trưởng


Hà Linh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập từ việc chuyển đổi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2199/1999/QĐ-UB ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600206147 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 8 năm 2000. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 21 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định cấp ngày 8 tháng 5 năm 2023.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (bao gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, các loại thuốc dược phẩm khác, sản xuất vacxin, sinh phẩm y tế, chế phẩm sinh học); bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế (bao gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, hóa chất, dược liệu, tinh dầu, vacxin, sinh phẩm, mỹ phẩm, máy móc, trang thiết bị và dụng cụ y tế).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 415 đường Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định và 6 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh và thành phố tại Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 644 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 629).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 6 chi nhánh hạch toán phụ thuộc với thông tin chi tiết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 6 chi nhánh):

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính và chi nhánh	Hoạt động chính
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (Chi nhánh Hà Nội)	Số 423 Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà tại Nam Định	Số 415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà tại Đà Nẵng	Số 208 Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (Chi nhánh Hồ Chí Minh)	Số 68-70 đường 17B, Khu công nghiệp Tân Bình, phường Hưng Hòa, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà – chi nhánh Nghệ An	LK 9-10 Đường số 2 – Khu Đô thị Nam Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
6	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà – chi nhánh Cần Thơ	Thửa đất 1920, tờ bản đồ số 7, KDC lô số 8C, thuộc khu đô thị Nam Cần Thơ, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2 công ty con) với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu xanh Nam Hà	100%	100%	Lô 2, CN 6, cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Trồng cây hàng năm (hương liệu, dược liệu, gia vị...), bán buôn dụng cụ y tế, bán lẻ dụng cụ thiết bị thể thao, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, hoạt động tư vấn đầu tư

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là hình thức kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và công ty con là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và công ty con là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 năm
Quyền sử dụng đất lâu dài	không phân bổ
Quyền sử dụng đất khác	20 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

3.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Chi phí trả trước về trúng thầu thuê đất;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký trong thời hạn 42 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty và công ty con ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty và công ty con cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá phát hành.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty và công ty con sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Doanh thu và tài sản liên quan đến các sản phẩm về sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu chiếm tỷ trọng 99% tổng doanh thu trong kỳ và tài sản tại ngày báo cáo. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con chủ yếu được thực hiện và tài sản chủ yếu được sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và công ty con chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	895.097.027	13.435.553.652
Tiền gửi ngân hàng	35.511.141.433	21.455.166.921
Các khoản tương đương tiền (*)	48.000.000.000	45.000.000.000
TỔNG CỘNG	84.406.238.460	79.890.720.573

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2,7%/năm đến 3,4%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 - 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,4%/năm đến 5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3,9%/năm đến 6,8%/năm). Trong đó, khoản tiền gửi trị giá 4.500.000.000 VND đang được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Lê Thái Tổ như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Dược Nam Hà	38.192.563.832	47.909.701.021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	147.084.146.459	173.676.300.593
TỔNG CỘNG	185.276.710.291	221.586.001.614
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.128.148.221)	(2.305.735.398)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một số khoản phải thu của Công ty đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Dược Nam Hà	14.212.632.568	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dược phẩm Thăng Long	10.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp & Vật liệu Xây dựng số 3	1.209.185.000	1.209.185.000
Công ty TNHH Dịch vụ tổng hợp Phú Thái	1.015.200.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	4.807.215.510	22.365.416.671
TỔNG CỘNG	31.444.233.078	23.574.601.671

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	3.345.421.114	2.644.036.445
Phải thu lãi tiền gửi	694.643.837	1.970.486.626
Nhập khẩu ủy thác	-	3.870.267.500
Phải thu ngắn hạn khác	629.961.340	330.221.450
TỔNG CỘNG	4.670.026.291	8.815.012.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	77.521.168.295	(1.570.106.242)	64.923.054.569	(14.489.875.765)
Nguyên liệu,				
vật liệu	75.418.807.628	(2.890.059.707)	57.539.302.191	(5.781.410.208)
Thành phẩm	70.364.562.106	(170.520.919)	56.247.352.114	(1.961.392.316)
Chi phí sản				
xuất kinh doanh				
dở dang	11.937.392.907	-	11.665.689.590	-
Hàng gửi bán	10.617.850.333	-	16.799.067.311	(599.893.745)
Công cụ, dụng				
cụ	556.810.025	(251.721.268)	522.577.970	(295.775.370)
Hàng mua				
đang đi đường	-	-	8.632.507.966	-
TỔNG CỘNG	246.416.591.294	(4.882.408.136)	216.329.551.711	(23.128.347.404)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	23.128.347.404	6.894.266.049
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.425.868.986	19.142.867.563
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(22.671.808.254)	(2.908.786.208)
Số cuối năm	4.882.408.136	23.128.347.404

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	124.136.408	895.066.198
Công cụ dụng, cụ xuất dùng	125.088.967	446.340.110
Phần mềm	538.127.017	260.909.398
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	315.192.137	334.195.813
TỔNG CỘNG	1.102.544.529	1.936.511.519
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn	2.102.183.563	4.726.385.863
Chi phí thuê đất	4.593.026.614	4.713.895.738
Chi phí trả trước về trúng thầu thuê đất	3.257.572.792	3.331.834.996
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.272.961.321	785.524.558
Chi phí trả trước dài hạn khác	41.807.257	149.352.019
TỔNG CỘNG	11.267.551.547	13.706.993.174

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

						Đơn vị tính: VND	
						Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:							
Số đầu năm	266.620.853.700	276.516.370.696	36.334.432.833	20.051.185.674	61.981.818	599.584.824.721	6.410.591.215
- Mua trong năm	-	4.714.442.124	1.696.149.091	-	-	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	262.396.593	-	-	-	262.396.593	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(308.000.000)	(4.431.960.000)	-	-	(4.739.960.000)	-
Số cuối năm	266.620.853.700	281.185.209.413	33.598.621.924	20.051.185.674	61.981.818	601.517.852.529	-
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	33.148.028.737	157.737.502.131	15.249.509.079	16.402.803.055	-	222.537.843.002	-
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Số đầu năm	96.345.945.820	199.452.976.948	24.847.776.733	17.607.384.439	26.630.520	338.280.714.460	-
- Khấu hao trong năm	9.303.883.612	18.725.008.547	3.078.125.869	876.661.853	20.660.604	32.004.340.485	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(171.274.149)	(4.431.960.000)	-	-	(4.603.234.149)	-
Số cuối năm	105.649.829.432	218.006.711.346	23.493.942.602	18.484.046.292	47.291.124	365.681.820.796	-
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	170.274.907.880	77.063.393.748	11.486.656.100	2.443.801.235	35.351.298	261.304.110.261	-
Số cuối năm	160.971.024.268	63.178.498.067	10.104.679.322	1.567.139.382	14.690.694	235.836.031.733	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	43.724.185.066	13.300.123.194	57.024.308.260
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	142.393.392	6.069.371.895	6.211.765.287
- Hao mòn trong năm	8.060.005	4.006.176.071	4.014.236.076
Số cuối năm	150.453.397	10.075.547.966	10.226.001.363
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	1.257.235.000	1.257.235.000
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	43.581.791.674	7.230.751.299	50.812.542.973
Số cuối năm	43.573.731.669	3.224.575.228	46.798.306.897

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một số quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị còn lại là 5.901.300.000 VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nâng cấp tài sản	20.585.280.740	20.585.280.740
Xây dựng cơ bản khác	2.744.596.106	528.948.344
TỔNG CỘNG	23.329.876.846	21.114.229.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Scigen Pte	59.313.308.262	59.313.308.262	53.394.033.108	53.394.033.108
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Nguyên	10.594.667.880	10.594.667.880	6.350.744.160	6.350.744.160
Phải trả cho các đối tượng khác	77.799.407.220	77.799.407.220	56.820.940.517	56.820.940.517
TỔNG CỘNG	147.707.383.362	147.707.383.362	116.565.717.785	116.565.717.785

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần DTS Việt Nam	2.223.237.705	2.223.237.705	1.288.750.847	1.288.750.847
Công ty trách nhiệm hữu hạn Sự lựa chọn vàng	1.319.117.735	1.319.117.735	4.973.097.433	4.973.097.433
Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh dược Thiên Thành	392.757.990	392.757.990	32.037.161	32.037.161
Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Tâm	334.236.704	334.236.704	253.230.012	253.230.012
Người mua trả tiền trước khác	1.509.025.170	1.509.025.170	3.073.140.510	3.073.140.510
TỔNG CỘNG	5.778.375.304	5.778.375.304	9.620.255.963	9.620.255.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.042.155.754	26.801.861.218	(27.217.267.908)	626.749.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.223.801.389	8.914.695.891	(11.241.082.389)	2.897.414.891
Thuế thu nhập cá nhân	103.566.545	5.462.016.641	(5.565.211.807)	371.379
Thuế khác	-	1.525.498.018	(1.198.947.591)	326.550.427
TỔNG CỘNG	6.369.523.688	42.704.071.768	(45.222.509.695)	3.851.085.761

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu/cần trừ trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	2.292.698.686	81.998.394.125	(79.882.901.206)	4.408.191.605
Thuế thu nhập cá nhân	1.487.706.021	3.050.850.474	(2.216.957.762)	2.321.598.733
Thuế khác	433.201.928	141.558.407	-	574.760.335
TỔNG CỘNG	4.213.606.635	85.190.803.006	(82.099.858.968)	7.304.550.673

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua hàng chưa nhận được hóa đơn	3.459.882.222	11.752.008.132
Lãi vay	334.212.531	418.063.933
Chi phí phải trả khác	332.871.527	422.062.652
TỔNG CỘNG	4.126.966.280	12.592.134.717

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng truyền thống	10.686.161.299	12.420.480.267
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	100.000.000
TỔNG CỘNG	10.686.161.299	12.520.480.267

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhập khẩu ủy thác	20.760.450.997	3.952.716.039
Thuế thu nhập cá nhân trích thừa	4.277.009.351	3.549.274.831
Nhận ký quỹ, ký cược	1.945.825.834	2.136.448.465
Phải trả tiền cổ tức	6.212.669.331	1.037.111.331
Các khoản phải trả khác	1.082.092.070	872.823.105
TỔNG CỘNG	<u>34.278.047.583</u>	<u>11.548.373.771</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	215.382.740.514	215.382.740.514	808.972.342.526	(788.583.088.021)	235.771.995.019	235.771.995.019	
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	19.397.575.590	19.397.575.590	16.963.593.240	(19.397.575.590)	16.963.593.240	16.963.593.240	
Vay đối tượng khác	2.324.000	2.324.000	-	-	2.324.000	2.324.000	
TỔNG CỘNG	234.782.640.104	234.782.640.104	825.935.935.766	(807.980.663.611)	252.737.912.259	252.737.912.259	
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	68.507.842.893	68.507.842.893	2.407.897.950	(21.044.460.815)	49.871.280.028	49.871.280.028	
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 18.3)	-	-	135.000.000	(22.950.000)	112.050.000	112.050.000	
TỔNG CỘNG	68.507.842.893	68.507.842.893	2.542.897.950	(21.067.410.815)	49.983.330.028	49.983.330.028	

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định	91.120.726.118	Kỳ hạn 6 tháng. Khoản cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 6 năm 2025. Lãi suất trả hàng tháng.	4,4%	Nhà cửa, vật kiến trúc tại số 415, Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị và hàng tồn kho luân chuyển.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	58.466.936.201	Kỳ hạn 5 tháng. Khoản cuối cùng đáo hạn ngày 27 tháng 5 năm 2025. Lãi suất trả hàng tháng.	4,5%	BDS tại địa chỉ Lô GD4-5, cụm CN Ngọc Hồi, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	45.281.112.493	Kỳ hạn 5 tháng. Khoản cuối cùng đáo hạn ngày 6 tháng 6 năm 2025. Lãi suất trả hàng tháng.	4,8%	Một số phương tiện vận tải của Công ty Máy móc thiết bị Nhà máy Đông dược. Tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty tại KCN Hòa Xá, tỉnh Nam Định.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Lê Thái Tổ	40.903.220.207	Kỳ hạn 6 tháng. Khoản cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 6 năm 2025. Lãi suất trả hàng tháng.	4,4%	Hợp đồng tiền gửi có giá trị 4,5 tỷ VND.
TỔNG CỘNG	235.771.995.019			

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.2 Vay dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định	55.667.118.358	Gốc trả hàng quý đến ngày 14 tháng 1 năm 2030, lãi trả hàng tháng.	8,7% - 10%	Quyền sử dụng đất tại thửa đất 34a, số 415 Hàn Thuyên, Vị Xuyên, Nam Định và các tài sản gắn liền với đất là: “Xưởng sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe” và “Xưởng sản xuất viên sắt”. Toàn bộ máy móc thiết bị (“MMTB”) thuộc dự án “Đầu tư MMTB cho xưởng viên sắt”.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định	7.219.254.910	Gốc trả hàng quý đến ngày 30 tháng 6 năm 2028, lãi trả hàng tháng.	8,3%	Công trình xây dựng tại thửa đất 34a, số 415 Hàn Thuyên, Vị Xuyên, Nam Định. Máy móc thiết bị thuộc dự án “Đầu tư MMTB cho dây chuyền sản xuất thực phẩm chức năng GMP” của Công ty. Hàng tồn kho và khoản phải thu hình thành từ nguồn vốn vay.
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng	3.948.500.000	Gốc trả hàng quý đến ngày 24 tháng 11 năm 2028. Lãi trả hàng tháng.	7,2% - 9%	Một số phương tiện vận tải và lò hơi đốt hình thành từ vốn vay.
TỔNG CỘNG	66.834.873.268			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	16.963.593.240			
Vay dài hạn	49.871.280.028			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.3 Nợ thuê tài chính dài hạn

Công ty hiện đang thuê một máy móc theo hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính là 112.050.000 VND.

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI VÀ QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm	14.644.433.518	10.082.939.849
Trích quỹ trong năm	-	5.000.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(479.723.416)	(438.506.331)
Số cuối năm	<u>14.164.710.102</u>	<u>14.644.433.518</u>
	Năm nay	Năm trước
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		
Số đầu năm	20.262.534.679	16.400.978.375
Trích quỹ trong năm	-	5.600.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(8.242.102.434)	(1.738.443.696)
Số cuối năm	<u>12.020.432.245</u>	<u>20.262.534.679</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

					Đơn vị tính: VND	
					Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	52.000.000.000	5.200.000.000	128.105.345.047	156.824.693.307	-	342.130.038.354
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	39.954.687.870	(7.156.313)	39.947.531.557
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
- Trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.131.497.476)	-	(2.131.497.476)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.000.000.000)	-	(5.000.000.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	25.000.000.000	(25.000.000.000)	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	(5.200.000.000)	-	(5.200.000.000)
Số cuối năm	52.000.000.000	5.200.000.000	153.105.345.047	159.447.883.701	1.492.843.687	371.246.072.435
Năm nay						
Số đầu năm	52.000.000.000	5.200.000.000	153.105.345.047	159.447.883.701	1.492.843.687	371.246.072.435
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	34.202.941.000	(20.872.292)	34.182.068.708
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	(5.200.000.000)	-	(5.200.000.000)
- Giải thể công ty con (**)	-	-	-	-	(1.471.971.395)	(1.471.971.395)
Số cuối năm	52.000.000.000	5.200.000.000	153.105.345.047	188.450.824.701	-	398.756.169.748

(*) Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2023 với số tiền là 5.200.000.000 VND.

(**) Theo quyết định số 01/2024/QĐ-NHDB ngày 29 tháng 4 năm 2024, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Dược liệu Nam Hà Điện Biên đã thông qua phương án giải thể công ty này. Sau đó, vào ngày 26 tháng 6 năm 2024, phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên gửi thông báo số 1281/24 về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại đối với công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp của cổ đông	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000
TỔNG CỘNG	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	52.000.000.000	52.000.000.000
Số cuối năm	52.000.000.000	52.000.000.000
Cổ tức đã công bố	5.200.000.000	-
Cổ tức đã chia	24.442.000	5.200.000.000

20.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2022	24.442.000	5.200.000.000
Cổ tức công bố cho năm 2023	5.200.000.000	-

20.5 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu đang lưu hành	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.044.161.090.811	1.004.403.312.075
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.037.897.527.600	999.898.509.597
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.957.283.192	3.826.194.240
Doanh thu khác	306.280.019	678.608.238
Các khoản giảm trừ doanh thu	(10.807.641.893)	(13.402.142.681)
Chiết khấu thương mại	(10.091.157.014)	(12.420.480.267)
Hàng bán bị trả lại	(716.484.879)	(981.662.414)
Doanh thu thuần	1.033.353.448.918	991.001.169.394
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.027.089.885.707	986.496.366.916
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.957.283.192	3.826.194.240
Doanh thu khác	306.280.019	678.608.238

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	2.977.215.000	5.475.902.433
Doanh thu tài chính khác	256.785.503	245.190.795
TỔNG CỘNG	3.234.000.503	5.721.093.228

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	650.918.241.381	612.527.726.805
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	338.102.676	1.492.215.753
Giá vốn khác	5.888.299.524	407.164.943
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.245.939.268)	16.234.081.355
TỔNG CỘNG	638.898.704.313	630.661.188.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	20.006.540.870	30.081.677.483
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.402.064.230	1.695.466.734
Chi phí tài chính khác	132.271.105	103.092.831
TỔNG CỘNG	23.540.876.205	31.880.237.048

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	63.525.979.173	83.053.497.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.922.980.059	59.729.666.943
Chi phí khấu hao	6.571.650.391	6.663.597.753
Công cụ, dụng cụ	2.584.267.608	3.961.037.494
Chi phí bán hàng khác	11.310.922.439	6.552.485.263
TỔNG CỘNG	228.915.799.670	159.960.285.023
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	70.119.143.550	78.289.480.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.111.778.093	24.575.647.588
Chi phí khấu hao	11.820.072.411	12.783.388.478
Trích lập dự phòng	2.300.412.823	5.229.805.544
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.665.446.825	4.373.113.893
Chi phí bằng tiền khác	3.105.033.742	1.432.918.436
TỔNG CỘNG	120.121.887.444	126.684.354.248

25. THU NHẬP KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tài trợ, hỗ trợ	16.936.102.014	2.382.602.704
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ, dụng cụ	671.910.512	3.579.313
Xử lý công nợ tồn đọng	-	1.348.779.909
Thu nhập khác	820.431.237	146.569.345
TỔNG CỘNG	18.428.443.763	3.881.531.271

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	325.692.960.057	295.634.781.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.183.961.549	64.990.273.531
Chi phí nhân công	170.557.030.555	200.812.207.665
Chi phí khấu hao và hao mòn (Hoàn nhập)/chi phí dự phòng	33.948.849.835 (17.423.526.445)	31.048.669.862 14.883.248.926
Chi phí khác	27.138.933.010	55.105.073.493
TỔNG CỘNG	726.098.208.561	662.474.254.660

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.897.414.891	10.234.141.389
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu trong năm trước	17.281.000	170.660.087
TỔNG CỘNG	8.914.695.891	10.404.801.476

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.096.764.599	50.352.333.033
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	8.619.352.919	10.070.466.607
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ khác	273.887.513	162.243.520
Điều chỉnh hợp nhất không tính thuế	(35.020.090)	(28.436.805)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ tính thuế	39.194.549	170.660.087
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu trong những năm trước	17.281.000	29.868.067
Chi phí thuế TNDN	8.914.695.891	10.404.801.476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty và công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và công ty con có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như dưới đây:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024
2019	2024	224.891.766	-	(224.891.766)	-
2020	2025	57.051.049	-	-	57.051.049
2021	2026	458.775.003	-	-	458.775.003
2022	2027	193.995.219	-	-	193.995.219
2023	2028	149.340.337	-	(23.854.378)	125.485.959
2024	2029	126.398.439	-	-	126.398.439
TỔNG CỘNG		1.210.451.813	-	(248.746.144)	961.705.669

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn R&H	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Hồ Nam	Cổ đông lớn
Bà Phạm Thị Hạnh	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Việt Phương	Cổ đông lớn

Ngoài ra bên liên quan còn có các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã được trình bày tại mục Thông tin chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên thuộc Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát, tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Hà Linh	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023)	120.000.000	89.160.000
Bà Phạm Thị Hạnh	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2024)	-	89.160.000
Bà Đinh Thị Khánh Ly	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023)	120.000.000	89.160.000
Ông Nguyễn Đắc Trường	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023)	120.000.000	89.160.000
Ông Hà Thanh Thủy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2023)	2.261.421.317	1.969.838.564
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2024)	120.000.000	-
TỔNG CỘNG		2.741.421.317	2.326.478.564

Thù lao của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Ban kiểm soát	270.249.276	196.152.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty và công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.202.941.000	39.954.687.870
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	34.202.941.000	39.954.687.870
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	5.200.000	5.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.577	7.684
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.577	7.684

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.268.941.000	1.268.941.000
Từ 1 - 5 năm	5.065.590.917	5.072.771.917
Trên 5 năm	20.368.189.250	21.629.949.250
TỔNG CỘNG	26.702.721.167	27.971.662.167

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

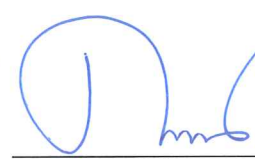
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	305.527,53	83.711,36
- Đồng EURO (EUR)	238,32	238,08

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Thị Tâm
Người lập


Phan Thị Thủy
Kế toán trưởng


Hà Linh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

